**BÀI TẬP LỚN-KTCT-CHƯƠNG 3**

**Câu 1: Công thức chung của Tư bản là gì? Công thức chung phản ánh điều gì?**

-Công thức chung của tư bản: : T – H – T’ ( T’= T + ∆t ) trong đó ∆t là thặng dư (m).

Công thức chung phản ánh:

- Phản ánh mục đích chung của các loại hình TB

- Phản ánh trình tự chung, bắt buộc của TB

**Câu 2: Khái niệm tư bản(TB), sự phân chia tư bản thành Tư bản cố định, tư bản lưu động, tư bản bất biến và TB khả biến( kn, cơ sở phân chia, ý nghĩa phân chia)**

Khái niệm:

-TB là sự vận động của tiền, vốn hay khoản tiền tạo ra lợi nhuận ( giá trị thặng dư).

-TBCĐ: Là một bộ phận của TBSX tồn tại dưới hình thái tư liệu lao động, tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất, nhưng giá trị của nó chuyển từng phần, ít một vào giá trị của sản phẩm mới theo mức độ hao mòn. Ký hiệu là C1

-TBLĐ: Là một bộ phận của TBSX, tham gia từng phần vào quá trình sản xuất, nhưng giá trị của nó chuyển một lần, chuyển hết vào giá trị của sản phẩm mới.

Cơ sở phân chia TBCĐ và TBLĐ: Dựa và giá trị được chuyển vào sản phẩm.

Ý nghĩa:

-Tư bản lưu động được sử dụng để đầu tư vào nguyên liệu, thanh lý lương thực, trả tiền cho lao động, thanh toán thuê nhà, chi trả chi phí quảng cáo, v.v... Nó có thời gian sử dụng ngắn hạn và giúp duy trì hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Việc phân chia tư bản lưu động sẽ giúp các doanh nghiệp kiểm soát hiệu quả quỹ đầu tư và tối ưu hoá chi phí sản xuất.

-Trong quá trình sản xuất, tư bản cố định được sử dụng để đầu tư vào các phương tiện sản xuất dài hạn như máy móc, nhà máy, đất đai, v.v... Nó có thời gian sử dụng dài hạn và đóng vai trò quan trọng trong việc tăng năng suất lao động, cải thiện chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất và tăng tính cạnh tranh của các doanh nghiệp. Do đó, việc phân chia tư bản cố định giúp định hình một chiến lược phát triển dài hạn cho các doanh nghiệp và quốc gia.

Khái niệm TBBB và TBKB

-TBBB là bộ phận TB tồn tại dưới hình thái tư liệu sản xuất mà giá trị được được lao động cụ thể của công nhân làm thuê bảo tồn và chuyển nguyên vẹn vào giá trị sản phẩm, tức là giá trị không biến đổi trong quá trình sản xuất. Ký hiệu là C.

-TBKB là bộ phận TB tồn tại dưới hình thái sức lao động, mà giá trị không tái hiện ra, nhưng thông qua lao động trừu tượng của công nhân mà tăng lên, tức biến đổi về số lượng trong quá trình sản xuất.

Ký hiệu là V.

Cơ sở phân chia TBBB và TBKB:

-Dựa vào vai trò của từng bộ phận tư bản trong quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư. Trong quá trình sản xuất, tư bản bất biến chỉ là điều kiện không thể thiếu được để sản xuất ra để sinh ra giá trị thặng dư còn tư bản khả biến mới là nguồn gốc tạo ra giá trị thặng dư. Tư bản khả biến có vai trò quyết định trong quá trình đó vì nó chính là bộ phận tư bản lớn lên.

Ý nghĩa phân chia:

-Sự phân chia này đó vạch ra nguồn gốc thực sự của giá trị thặng dư là do tư bản khả biến tạo ra, còn tư bản bất biến tuy không phải là nguồn gốc của giá trị thặng dư nhưng là điều kiện cần thiết không thể thiếu.

**Câu3. Phân tích hàng hóa sức lao động (SLĐ) ( TBKB): điều kiện SLĐ trở thành hàng hóa là gì? SLĐ khác LĐ ntn?**

Điệu kiện SLĐ trở thành HH:

- Người lao động được tự do về thân thể, bị tước đoạt hết tư liệu sản xuất.

- Sức lao động là toàn bộ những năng lực (thể lực và trí lực) tồn tại trong một con người và được người đó sử dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó.

- Lao động: là sử dụng SLĐ để tạo ra hang hóa.

**Câu 4. Giá trị của SLĐ là gì? Tại sao nói giá trị SLĐ mang yếu tố tinh thần và lịch sử?**

-Gía trị SLĐ bằng tổng tất cả giá trị TLSH cần thiết cho người công nhân và gia đình cộng với phí tổn đào tạo.

- Là hàng hoá đặc biệt, giá trị hàng hoá sức lao động khác với hàng hoá thông thường ở chỗ nó còn bao hàm cả yếu tố tinh thần và lịch sử.

Mang yếu tố tinh thần vì: đời sống của con người ngoài nhu cầu về nhu yếu phẩm, ăn, ở thì con người cũng sẽ có nhu cầu về giải trí như xem phim, nhu cầu tín ngưỡng như đi chùa ( mua nhang, trái cây để cúng) thì những chi phí đó sẽ được chuyển vào TLSH của người công nhân ( hay con người).

Mang yếu tố lịch sử: nhu cầu của con người phụ thuộc vào hoàn cảnh lịch sử của mỗi nước ở từng thời kỳ, đồng thời nó còn phụ thuộc cả vào điểu kiện địa lý, khí hậu của nước đó.

**Câu 5. Giá trị sử dụng của HHSLĐ là gì? Tính chất đặc biệt của Gía trị sử dụng của SLĐ?**

-Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động là nguồn gốc sinh ra giá trị. Tức là nó có thể tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó. Nhằm đáp ứng được nhu cầu sử dụng lao động của chủ lao động.

- GTSD chỉ thể hiện trong tiêu dùng là tạo ra giá trị thặng dư.

-Tính chất đặc biệt của Gía trị sử dụng của SLĐ là nó có thể tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó. Đây chính là chìa khoá để giải thích mâu thuẫn của công thức chung của tư bản.

**Câu 6. Giá trị hàng hóa bao gồm những bộ phận nào?**

G= c + (v + m) Trong đó :

G: Giá trị hàng hóa

C: Giá trị TLSX đã được tiêu dùng (bộ phận LĐ quá khứ kết tinh trong máy móc, nguyên nhiên vật liệu - được LĐ sống chuyển vào giá trị sản phẩm mới)

V + m : Giá trị mới do LĐ sống tạo ra

**Câu7. Khái niệm giá trị thặng dư (m), m thuộc về ai tại sao, m có nguồn gốc trực tiếp từ đâu? m dược tạo ra từ lao động hay sức lao động?**

-Khái niệm giá trị thặng dư (m) là một bộ phận của giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân tạo ra, là kết quả của lao động không công của công nhân cho nhà tư bản.

-Giá trị thặng dư (m) thuộc về nhà tư bản (người mua hàng hóa SLĐ).Vì giá trị mới dôi ra sẽ thuộc về tư bản vì người lao động chỉ cần một phần nhất định thời gian hao phí sức lao động đã được thỏa thuận theo nguyên tắc ngang giá là đã đủ để bù đắp giá trị hàng hóa sức lao động của mình.

-Nguồn gốc trực tiếp là hao phí lao động tạo nên. Quá trình tạo ra m diễn ra trong xã hội.

-Giá trị thặng dư là do lao động của người lao động làm thuê hao phí tạo ra.

**Câu8. Nhà tư bản không quản lý có tạo ra m không? Có quá trình lao động nào của người công nhân không tạo ra m hay không? Nếu nhà tư bản trả tiền công bằng đúng giá trị SLD thì có m hay không?**

- Nhà tư bản không quản lí vẫn tạo ra được giá trị thặng dư vì:

+ Chỉ có lao động sống mới tạo ra giá trị của hàng hóa, tạo ra giá trị thặng dư. Nguồn gốc tạo ra giá trị thặng dư là sức lao động của công nhân làm thuê, chỉ có lao động sống (sức lao động đang hoạt động) mới tạo ra giá trị, trong đó có giá trị thặng dư. Nguồn gốc của giá trị thặng dư là sự tiêu dùng sức lao động kéo dài ngoài thời gian tái sản xuất ra giá trị của nó.

+ Giá trị thặng dư là quy luật kinh tế tuyệt đối của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, không có sản xuất giá trị thặng dư thì không có chủ nghĩa tư bản. Giá trị thặng dư là nguồn gốc của mâu thuẫn cơ bản, nội tại của xã hội tư bản (mâu thuẫn giữa lao động và tư bản, giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân). Mâu thuẫn này ngày càng sâu sắc, đưa đến sự thay thế tất yếu chủ nghĩa tư bản bằng một xã hội cao hơn.

- Quá trình lao động của người công nhân luôn tạo ra giá trị thặng dư khi họ phải làm việc vượt quá sức lao động của họ. Nên không có trường hợp người công nhân không tạo ra giá trị thặng dư.

- Khi nhà tư bản trả tiền công cho người công nhân đúng bằng giá trị hàng hóa sức lao động thì vẫn còn tồn tại giá trị thặng dư do người công nhân tạo ra.

**Câu9. Tỷ suất giá trị thặng dư m’ được tính như thế nào? m’ phản ánh điều gì?**

Công thức tính tỷ suất giá trị thặng dư là:

**m'= m v x 100%**

Trong đó:

m’ là tỷ suất giá trị thăng dư;

m là giá trị thặng dư;

v là tư bản khả biến.

Tỷ suất giá trị thặng dư cũng có thể tính theo tỷ lệ phần trăm giữa thời gian lao động thặng dư (t’) và thời gian lao động tất yếu (t).

**m'= t'/ t x 100%**

-Tỷ suất giá trị thặng dư phản ánh trình độ khai thác sức lao động, bóc lột của nhà tư bản đối với công nhân làm thuê.

**Câu** **10. Công thức tính khối lượng giá trị thặng dư là gì? ( M=?) . phản ánh điều gì?**

M=m’\*V

Trong đó:

* M là khối lượng giá trị thặng dư
* m’ là tỷ suất giá trị thặng dư
* V là tổng tư bản khả biến

Phản ánh quy mô bốc lột: Khối lượng giá trị thặng dư mà chủ sở hữu tư liệu sản xuất thu được.

**Câu11. Hai phương pháp sx giá trị thặng dư là gì? Giá trị thặng dư tương đối, tuyệt đối, siêu ngạch có được là do đâu?**

- Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư là sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và sản xuất giá trị thặng dư tương đối.

-Giá trị thặng dư tuyệt đối là m thu được do kéo dài ngày lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu trong khi NSLĐ, giá trị SLĐ và TGLĐ TY không đổi

-Giá trị thặng dư tương đối là giá trị thặng dư thu được do rút ngắn TGLĐTY trong điều kiện độ dài ngày lao động không đổi, hoặc thậm chí rut ngắn nhờ đó kéo dài thời gian lao động thặng dư, bằng cách tăng NSLĐXH.

-Là m thu được do tăng năng suất lao động cá biệt, nhờ đó giá trị cá biệt thấp hơn giá trị thị trường của nó ( giá trị xã hội của hàng hóa).

**Câu12. Tái sản xuất là gì? Tích lũy tư bản là gì? nguồn gốc của tích lũy tư bản, quy mô tích lũy phụ thuộc vào đâu?**

-Tái sản xuất:Là quá trình SX được lặp lại và đổi mới không ngừng.

+ TSX giản đơn

+ TSX mở rộng

-Tích lũy tư bản: là biến m thành tư bản, tức TB hóa m hay là Mở rộng quy mô TB bằng cách TB hóa m

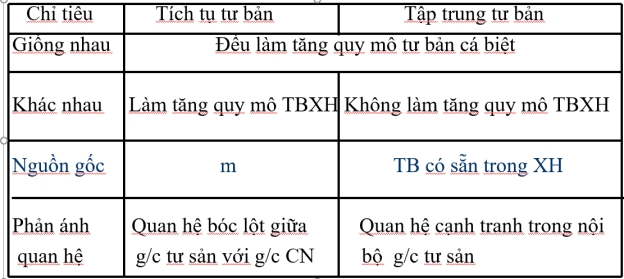
-Nguồn gốc duy nhất của tích lũy tư bản là m – LĐ không công của CN – Tích lũy làm cho QHSX TBCN trở thành thống trị và mở rộng sự thống trị.

**Câu 13. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản là gì? So sánh**

-Tích tụ tư bản là sự tăng thêm quy mô của tư bản cá biệt bằng cách tư bản hóa giá trị thặng dư hay còn là kết quả trực tiếp của tích lũy tư bản.

-Tập trung tư bản là sự tăng lên cảu quy mô tư bản cá biệt thông qua sáp nhập các tư bản cá biệt với nhau.

So sánh giữa tích tụ tư bản và tập trung:



**Câu14. Khái niệm chi phí sản xuất, lợi nhuận, so sánh giá trị thặng dư – m và lợi nhuận – p**

Khái niệm chỉ phí sản xuất:

-Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa là phần giá trị của hàng hóa, bù lại giá cả của những tư liệu sản xuất đã tiêu dùng và giá cả của sức lao động đã được sử dụng đề sản xuất ra hang hóa ấy. Đó là chỉ phí mà nhà tư bản đã bỏ ra đề sản xuất ra hàng hóa.

Khái niệm lợi nhuận:

-Trong thực tế sản xuất kinh doanh, giữa giá trị hàng hóa và chỉ phí sản xuất có một khoản

chênh lệch. Do đó sau khi bán hàng hàng hóa (bán ngang giá). nhà tư bản không những

bủ đắp đủ số chỉ phí đã ứng ra mà còn thu được só chênh lệch bằng giá trị thặng dư. Số

chênh lệch này gọi là lợi nhuận.

So sánh:

* Giá trị thặng dư - m: Là kết quả của sự hao phí sức lao động trong sự thống nhất của quá trình tạo ra và làm tăng giá trị. Quá trình đó được diễn ra trong quan hệ xã hội giữa người mua hàng hóa sức lao động.
* Lợi nhuận - p: Là hình thái biểu hiện của giá trị thăng dư trên bề mặt nên kinh tế thị trường. Lợi nhuận chính là mục tiêu, động cơ, động lực của hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nên kinh tế thị trường.

**Câu 15. Tỷ suất lợi nhuận p’ =?, ý nghĩa của nó**

-Tỷ suất lợi nhuận là tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận và toàn bộ giá trị của tư bản ứng trước (ký hiệu là p’). Nói cách khác, là tỷ lệ phần trăm giữa P và toàn bộ tư bản ứng trước.

-Tỷ suất lợi nhuận p’=[p/(c+v)]x100%= (p/k)x100%

Ý nghĩa:

+Tỷ suất lợi nhuận phản ánh mức doanh lợi đầu tư tư bản, do đó có ý nghĩa thực tiễn vô cùng quan trọng giúp doanh nghiệp đánh giá đúng hiệu quả hoạt động kinh doanh của mình.

+Mặc dù lợi nhuận có vai trò quan trọng đối với kinh doanh tư bản chủ nghĩa, vì sự hiện diện của nó thể hiện hiệu quả kinh tế, tuy nhiên so với lợi nhuận thì tỷ suất lợi nhuận phản ánh đầy đủ hơn mức độ hiệu quả kinh doanh.

=> Tỷ suất lợi nhuận là phạm trù thể hiện lợi ích kinh tế của nhà tư bản trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Từ đó, các nhà tư bản muốn làm giàu và làm giàu nhanh cần phải tìm ra cách thức để có được tỷ suất lợi nhuận cao nhất.

=> Tỷ suất lợi nhuận với tư cách là số đo tương đối của lợi nhuận, đã trở thành động cơ quan trọng nhất của hoạt động cạnh tranh tư bản chủ nghĩa.

**Câu16. Lợi tức, Lợi nhuận thương nghiệp, Lợi nhuận công nghiệp là gì? Có nguồn gốc từ đâu?**

Khái Niệm:

-Lợi tức là một phần của lợi nhuận bình quân mà người đi vay (tư bản đi vay) phải trả cho người cho vay (tư bản cho vay) vì đã sử dụng lượng tiền nhàn rỗi của người cho vay. Đây là quan hệ kinh tế phản ánh quan hệ lợi ích giữa người đi vay với người cho vay. Song về thực chất, lợi tức đó là một phần của giá trị thặng dư mà người đi vay đã thu được thông qua sử dụng tiền vay đó. Hay nói cách khác, Lợi tức cho vay (ký hiệu z) trong chủ nghĩa tư bản là phần lợi nhuận bình quân mà chủ thể sử dụng tư bản trả cho chủ thể sở hữu tư bản.

-Nguồn gốc của lợi tức: trong nền kinh tế thị trường, luôn xuất hiện hiện tượng có chủ thể thì có lượng tiền nhàn rỗi, trong khi lại có những chủ thể khác lại cần tiền để mở rộng sản xuất kinh doanh. Tình hình đó thúc đẩy quan hệ cho vay và đi vay => Người cho vay sẽ thu được lợi tức. Nói cách khác, lợi tức chính là từ giá trị thặng dư do công nhân làm thuê sáng tạo ra từ trong lĩnh vực sản xuất.

-Lợi nhuận thương nghiệp là số chênh lệch giữa giá bán và giá mua hàng hoá, giá bán không nhất thiết phải cao hơn giá trị. Vẻ bề ngoài này làm cho người ta nhầm tưởng việc mua bán đã tạo ra lợi nhuận cho nhà tư bản thương nghiệp. Trái lại, lợi nhuận thương nghiệp thực chất là một phần của giá trị thặng dư. Điều đó không có nghĩa là nhà tư bản thương nghiệp bán giá cao hơn giá trị mà họ mua hàng hóa thấp hơn giá trị và khi bán thì đúng giá trị.

Nguồn gốc của lợi nhuận thương nghiệp: chính là một phần của giá trị thặng dư mà nhà tư bản sản xuất trả cho nhà tư bản thương nghiệp do nhà tư bản thương nghiệp đã giúp cho việc tiêu thụ hàng hoá. Về thực chất, lợi nhuận thương nghiệp là một phần của giá trị thặng dư được sáng tạo ra trong lĩnh vực sản xuất và do nhà tư bản công nghiệp nhượng lại cho nhà tư bản thương nghiệp, để nhà tư bản thương nghiệp tiêu thụ hàng cho mình.

Lợi nhuận công nghiệp: là phần giá trị do công nhân tạo ra bị nhà tư bản chiếm và phần giá trị này bán trên thị trường thu được một số tiền lời sau khi trừ đi chi phí sản xuất.

Nguồn gốc của lợi nhuận công nghiệp: bắt nguồn từ việc thèm muốn lợi nhuận nên nhà tư bản công nghiệp luôn tìm cách tăng phần thời gian lao động thặng dư như: tăng giờ làm ,tăng năng suất lao động.Thời gian lao động thặng dư càng nhiều thì càng thuộc về nhà tư bản và sẽ thu được lợi nhuận cao. Như vậy, lợi nhuận công nghiệp là hình thái gần nhất, dễ thấy nhất với giá trị thặng dư và lợi nhuận công nghiệp, là động lực mạnh mẽ nhất để phát triển sản xuất.